

ĐẶC QUYỀN PHONG CÁCH SỐNG

ĐIỀU KIỆN ĐIỀU KHOẢN DỊCH VỤ SỨC KHỎE VỚI CHỦ THẺ VISA INFINITE

- Thời gian áp dụng:** Từ ngày 01/05/2025 đến khi BIDV có thông báo khác theo từng thời kỳ.
- Đối tượng được áp dụng ưu đãi:** Chủ thẻ tín dụng quốc tế BIDV Visa Infinite sử dụng gói ưu đãi Lifestyle phí thường niên 30 triệu VNĐ hoặc Lifestyle phí thường niên 15 triệu VNĐ
- Cơ chế ưu đãi:**
 - Chủ thẻ BIDV VISA Infinite sử dụng gói ưu đãi Lifestyle phí thường niên 30 triệu VNĐ: Tặng 01 gói khám sức khỏe cho 2 người .
 - Chủ thẻ BIDV VISA Infinite sử dụng gói ưu đãi Lifestyle phí thường niên 15 triệu VNĐ: Tặng 01 gói khám sức khỏe cho 1 người
- Cách thức sử dụng dịch vụ:**
 - Khách hàng gọi lên Tổng đài BIDV số 1800696959 nhánh 1/ ứng dụng BIDV Smartbanking hoặc theo các phương thức quy định của BIDV từng thời kỳ để đặt dịch vụ
 - Chủ thẻ phải đặt dịch vụ trước tối thiểu 24h trước giờ sử dụng dịch vụ với ngày thường và trước tối thiểu 48 giờ với ngày cuối tuần/ nghỉ lễ hoặc theo thông báo của Tổng đài cập nhật trong từng thời kỳ.
 - Thời gian sử dụng dịch vụ: trong vòng 01 tháng kể từ thời điểm đặt dịch vụ
 - Thời gian khách hàng hủy dịch vụ tối thiểu: 24h trước giờ sử dụng dịch vụ. Việc hoàn, hủy dịch vụ sẽ do quy định của nhà cung cấp và được thông báo cụ thể trong xác nhận dịch vụ gửi qua email tới Khách hàng.
- Địa điểm áp dụng:**

STT	Tên Bệnh viện	Địa điểm
1	Bệnh viện VINMEC	Hệ thống Bệnh viện Vinmec trên toàn quốc
2	Phòng khám Quốc tế RAFFLE	51 Xuân Diệu, Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội
3	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hồng Ngọc	Hệ thống Bệnh viện Hồng Ngọc trên toàn quốc
4	Bệnh viện Việt Pháp	Số 1 Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội
5	Phòng khám Family Medical	298I P. Kim Mã, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
6	Bệnh viện Thu Cúc	Hệ thống bệnh viện trên toàn quốc

Danh sách địa điểm áp dụng thay đổi theo từng thời kỳ và được cập nhật tại website www.bidv.com.vn

6. Chi tiết dịch vụ tại các bệnh viện cho 1 khách hàng

❖ Vinmec:

STT	Tên dịch vụ	Chi tiết dịch vụ	Nam	Nữ
I	Khám lâm sàng			

STT	Tên dịch vụ	Chi tiết dịch vụ	Nam	Nữ
1	KSK_Khám Nội Đa Khoa Tổng Quát	Đánh giá các yếu tố nguy cơ, thói quen cuộc sống, thăm khám lâm sàng, kết luận gói khám	x	x
2	KSK_Kiểm tra huyết áp, cân nặng	Đánh giá các yếu tố nguy cơ, thói quen cuộc sống, thăm khám lâm sàng, kết luận gói khám	x	x
3	KSK_Kiểm tra thị lực	Kiểm tra, phát hiện bất thường về mắt	x	x
4	KSK_Khám thị lực	Kiểm tra, phát hiện bất thường về mắt	x	x
5	KSK_Khám kiểm tra răng miệng	Kiểm tra, phát hiện bất thường về Răng miệng	x	x
6	KSK_Kiểm tra TMH	Kiểm tra, phát hiện bất thường về Tai mũi, họng. Phát hiện hạch cổ, hạch dưới hàm, tuyến mang tai.	x	x
7	KSK_Khám phụ khoa, khám vú	Đánh giá yếu tố nguy cơ, khám kiểm tra vú, phụ khoa, tư vấn và kết luận về bệnh lý vú và phụ khoa sau khi có kết quả xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh.		x
II	Cận lâm sàng – Xét nghiệm			
8	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	Bất thường tăng/giảm số lượng tế bào máu và các thông số liên quan	x	x
9	Định lượng Cholesterol	Rối loạn chuyển hóa cholesterol đơn thuần hoặc kết hợp với các thông số mỡ máu khác	x	x
10	Định lượng Triglycerid	Rối loạn chuyển hóa triglycerid đơn thuần hoặc kết hợp với các thông số mỡ máu khác	x	x
11	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	Giảm trong bệnh cảnh rối loạn chuyển hóa mỡ máu	x	x
12	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	Tăng trong bệnh cảnh rối loạn chuyển hóa mỡ máu	x	x
13	Đo hoạt độ AST (GOT)	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan	x	x
14	Đo hoạt độ ALT (GPT)	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan	x	x
15	Định lượng Axit uric	Axit uric tăng cao kết hợp với triệu chứng lâm sàng giúp định hướng chẩn đoán bệnh Gout, tuy nhiên một số trường hợp không có triệu chứng lâm sàng hoặc tăng nhẹ nhưng vẫn có thể gây triệu chứng trên lâm sàng	x	x
16	Định lượng Creatinin	Đánh giá chức năng lọc của cầu thận, tính eGFR giúp phân độ suy thận	x	x
17	Định lượng Ure	Hỗ trợ đánh giá chức năng thận, đánh giá hiệu quả sau chạy thận nhân tạo.	x	x
18	Định lượng Glucose	Tiêu chuẩn chẩn đoán tiểu đường, rối loạn dung nạp đường máu	x	x

STT	Tên dịch vụ	Chi tiết dịch vụ	Nam	Nữ
19	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)	Sự xuất hiện của bạch cầu, hồng cầu, nitrite là chỉ điểm quan trọng để sơ bộ chẩn đoán các bệnh lý như viêm đường tiết niệu. Protein niệu dương tính là một gợi ý cho các tổn thương cầu thận. Đây là xét nghiệm bán định lượng, để chẩn đoán chính xác cần dựa trên triệu chứng lâm sàng và các xét nghiệm chuyên sâu khác	x	x
20	Vi khuẩn nhuộm soi (dịch âm đạo nữ)	Có giá trị sơ bộ phát hiện các loại vi khuẩn gây bệnh, vi khuẩn ký sinh trong âm đạo (không gây bệnh)		x
21	Lấy bệnh phẩm làm phiên đồ tế bào cổ tử cung – âm đạo (Pap smear)	Tầm soát phát hiện ung thư cổ tử cung (phát hiện tế bào bất thường ở cổ tử cung)		x
III	Cận lâm sàng - Chẩn đoán hình ảnh			
22	Chụp Xquang ngực thẳng	Xquang tim phổi thẳng là thăm dò hình ảnh ban đầu có giá trị trong đánh các bệnh lý về phổi, ngoài ra nó còn cung cấp hình ảnh cấu trúc tim, mạch máu và các tổ chức khác ở lồng ngực.	x	x
23	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	Âm tính giả với các khối u tạng đặc <1cm	x	x
24	Siêu âm tiền liệt tuyến qua đường bụng	Đánh giá hình ảnh, ước tính trọng lượng của tiền liệt tuyến, phát hiện hình ảnh bất thường của tiền liệt tuyến.	x	
25	Siêu âm phụ khoa thường quy (đường bụng)	Đánh giá hình ảnh, ước tính trọng lượng của tiền liệt tuyến, phát hiện hình ảnh bất thường của tiền liệt tuyến.		x
26	Điện tim thường	Thăm dò về mặt điện học của tim qua đo cung cấp thông tin về: Bệnh lý rối loạn nhịp hoặc dẫn truyền trong tim Các hình ảnh gợi ý tăng gánh thất trái Hình ảnh gợi ý thiếu máu cơ tim	x	x

❖ Raffle Medical

STT	Dịch vụ	Nam	Nữ
	<u>Clinical Examinations / Khám lâm sàng</u>		
1	Full physical examination & comprehensive consultation with Raffles Medical Clinic General Practitioner Bác sĩ được chỉ định bởi Raffles Medical Clinic sẽ khám tổng quát, đặt các câu hỏi liên quan đến thể trạng, sức khỏe và đồng thời cung cấp thông tin tư vấn cho bệnh nhân	x	x
2	Past medical history (Personal/ Family), Kiểm tra bệnh sử cá nhân	x	x
3	Eye vision & Color vision check	x	x

STT	Dịch vụ	Nam	Nữ
	Kiểm tra thị lực và sắc giác		
4	Body mass index Kiểm tra chỉ số cơ thể	x	x
5	Immunization program review with recommendations Kiểm tra và tư vấn lịch tiêm chủng, tiêm phòng	x	x
6	Blood pressure check Kiểm tra huyết áp	x	x
	<u>Gynecology exam & Lab test for Female / Khám phụ khoa và các xét nghiệm dành cho Nữ</u>		
7	Breast examination Khám vú cho nữ		x
8	Gynaecology examination (for female married) Khám phụ khoa cho nữ (dành cho nữ đã lập gia đình)		x
9	PAP Smear with Liquid Prep (for female married) Xét nghiệm tế bào cổ tử cung (dành cho nữ đã lập gia đình)		x
	<u>Imagery & functional diagnosis / Chuẩn đoán hình ảnh & thăm dò chức năng</u>		
10	Chest X-Ray Chụp X-Quang tim phổi	x	x
11	General abdominal USG Siêu âm tổng quát ổ bụng	x	x
12	Breast USG Siêu âm vú (Đối với nữ)		x
13	Thyroid USG Siêu âm tuyến giáp	x	x
14	Electrocardiogram (ECG) Điện tâm đồ	x	x
	<u>Lab tests/ Xét nghiệm</u>		
15	Cholesterol panel/ Kiểm tra mỡ máu Total cholesterol level HDL-LDL cholesterol Triglycerides	x	x
	<u>Kidney Function/ chức năng thận</u>		
16	Urea Kiểm tra chức năng thận	x	x
17	Creatinine Xét nghiệm sinh hóa chức năng thận	x	x
18	Uric Acid Kiểm tra nồng độ Uric Acid	x	x
	<u>Liver Enzymes/ Chức năng gan</u>		
19	SGOT-SGPT test Kiểm tra chức năng gan	x	x
20	Gamma GT test (LFT) Kiểm tra chức năng gan	x	x
	<u>Hepatitis tests/ Xét nghiệm kiểm tra viêm gan</u>		
21	HBsAg- Quantitative Xét nghiệm định lượng kháng nguyên viêm gan B	x	x
22	HBs Antibody Xét nghiệm viêm gan B - Kháng thể bề mặt virus viêm gan B	x	x
	<u>Other Lab test/ Các xét nghiệm khác</u>		
23	Full Blood Count Xét nghiệm công thức máu toàn phần	x	x

STT	Dịch vụ	Nam	Nữ
24	Glucose Fasting Xét nghiệm đường huyết lúc đói	x	x
25	Urine Analysis Phân tích nước tiểu	x	x
26	FT3 Xét nghiệm nội tiết tố tuyến giáp	x	
27	TSH Xét nghiệm tuyến giáp	x	
28	FT4 Xét nghiệm nội tiết tố tuyến giáp	x	
	<u>Cancer marker/ Xét nghiệm tầm soát ung thư</u>		
29	PSA - Prostate Specific Antigen PSA toàn phần - Xét nghiệm dấu ấn ung thư tiền liệt tuyến	x	
30	CEA Xét nghiệm tầm soát ung thư đại trực tràng	x	x

❖ **Hồng Ngọc**

NỘI DUNG KHÁM
Khám chuyên khoa/ General practice consultation and physical exam
Khám chuyên khoa Nội/ General Physical Examination Đo chỉ số cơ thể, tiền sử bệnh(chiều cao, cân nặng, huyết áp, BMI..) kết luận sức khỏe.
Khám chuyên khoa Mắt/ Ophthalmology consultation Chẩn đoán các bệnh về mắt như cận loạn thị, viêm kết mạc, viêm bờ mi..
Khám chuyên khoa Tai mũi họng/ ENT (Ear - Nose -Throat) Chẩn đoán phát hiện và tư vấn điều trị các bệnh viêm xoang, viêm thanh quản, amidan...
Khám sản - Phụ khoa/ Gynecology Consultation Phát hiện các bệnh viêm nhiễm đường sinh dục dưới, tư vấn sức khỏe sinh sản...
Khám chuyên khoa Răng hàm mặt/ Dental Oral Screening Phát hiện sâu răng mới, viêm lợi, cao răng, viêm nha chu, bệnh về tủy răng..
Chẩn đoán hình ảnh/ Diagnostic imaging
Chụp X.Quang tim phổi/ Chest X.Ray (không áp dụng với phụ nữ có thai) Đánh giá các bất thường trong lồng ngực, các bệnh về phổi như khối u trong phổi, viêm phế quản, viêm phổi, giãn phế quản - phế nang...
Điện tâm đồ/ ECG Đánh giá các bất thường như thiếu máu cơ tim hay hoại tử cơ tim, đau cơ ngực...
Siêu âm/ Abdominal Ultrasound
Siêu âm ổ bụng tổng quát/ Abdominal Ultrasound Siêu âm bụng tổng quát: siêu âm gan, mật, thận, tụy, bàng quang;Siêu âm tử cung- buồng trứng (cho nữ);Siêu âm tiền liệt tuyến (cho nam).
Siêu âm tuyến giáp/ Thyroid Ultrasound Đánh giá và chẩn đoán xác định ung thư giáp, hạch...
Các xét nghiệm/ Test Including
Tổng phân tích tế bào máu bằng máy đếm tự động/ Complete blood count Đếm số lượng và tỉ lệ từng loại tế bào có trong máu: Bạch cầu, hồng cầu, tiểu cầu, Hemoglobin

... Đánh giá tình trạng thiếu máu, một số bệnh nhiễm trùng và rối loạn đông máu do thiếu tiểu cầu.
Đường máu/ Glucose Chẩn đoán bệnh đái tháo đường, hạ đường huyết..
Acid Uric Chẩn đoán sớm các bệnh về Gout.
Gama GT Phát hiện sớm tình trạng viêm nhiễm, suy giảm chức năng gan, nhất là Ở những người thường xuyên uống rượu bia rất dễ bị gây nên tình trạng viêm gan, xơ gan
Chức năng gan (GOT, GPT)/ Liver functions: GOT, GPT Phát hiện sớm các bệnh về gan: Viêm gan cấp, mạn, tổn thương nhu mô gan (viêm gan siêu vi trùng, viêm gan do uống rượu...)
Mỡ máu 2 thành phần / Lipid blood test: Cholesterol, Triglycerit Kiểm tra lượng mỡ máu nhằm sớm ngăn ngừa những rối loạn do mỡ máu.
Calci Chức năng chuyển hóa canxi trong cơ thể, chẩn đoán hay theo dõi một số các tình trạng bệnh lý về xương/thận/tuyến cận giáp/liên quan đến đường tiêu hóa.
Các xét nghiệm tầm soát ung thư/ Cancer screening
CEA/ Gastrointestinal cancer screening Tầm soát ung thư đường tiêu hóa, đại trực tràng.
Cy FRA 21-1/ Lung cancer screening Tầm soát ung thư phổi.
PSA/ Prostate cancer screening Tầm soát ung thư tiền liệt tuyến.
Papsmear/ Papsmear test - Cervical cancer screening (bắt buộc khám sản) Tầm soát ung thư cổ tử cung.
Xét nghiệm nước tiểu/ Urine analysis Phát hiện sớm các bệnh về đường tiết niệu, gan, thận, sỏi mật, sỏi thận.
Tổng kết và báo cáo hồ sơ cho công ty/ Summary report for company
Tư vấn và kết luận hồ sơ cá nhân/ Individual report and counselling for employee
Tư vấn tiêm chủng/ Immunization advisory
Xét nghiệm test nhanh covid

❖ **Việt Pháp:**

Danh sách khám/ <i>List of examinations</i>	Nam	Nữ
<u>1- Khám lâm sàng với Bác sỹ đa khoa</u>		
Khám và tư vấn tổng quát/ <i>Physical examination</i>	X	X
Kiểm tra huyết áp/ <i>Arterial blood pressure</i>	X	X
Kiểm tra chỉ số cơ thể / <i>Body mass index (BMI)</i>	X	X
Kiểm tra răng miệng / <i>Dental exam</i>	X	X

Kiểm tra tai mũi họng/ <i>Ear, nose and throat exam</i>	x	x
Đo thị lực và sắc giác / <i>Vision test and color check</i>	x	x
Kiểm tra vú cho nữ / <i>Breast examination (for female only)</i>		x
<u>2- Cận lâm sàng/ Investigations:</u>		
Công thức máu toàn phần / <i>FBC (Full blood count)</i>	x	x
Men Gan / <i>Liver enzymes: ALT, AST</i>	x	x
Chức năng thận/ <i>Kidney function: Creatinin</i>	x	x
Mỡ máu toàn phần/ <i>Lipid profile: Total Cholesterol, HDL-Cholesterol, LDL-Cholesterol, Tryglicerides</i>	x	x
Acid Uric / <i>Uric Acid</i>	x	x
Đường huyết lúc đói / <i>Fasting blood glucose</i>	x	x
Phân tích nước tiểu/ <i>Urine Analysis (dipstick)</i>	x	x
<u>3 Chẩn đoán hình ảnh/Diagnostic imaging</u>		
Chụp tim phổi/ <i>Chest X-Ray</i>	x	x
Siêu âm ổ bụng/ <i>Abdominal ultrasound</i>	x	x
4. Giải thích kết quả và tư vấn với bác sỹ Đa khoa/ <i>Test explanation and recommendation by General Practioner</i>	x	x

❖ **Family Medical**

TT	SERVICES/Dịch vụ	Nam / Male	Female / Nữ
I	KHÁM LÂM SÀNG VỚI BÁC SỸ ĐA KHOA/ GENERAL EXAMINATION WITH GP DOCTOR		
1	Khám Nội Đa Khoa Tổng Quát Physical Examination and consultation with Internal Medicine	x	x
2	Khám chuyên khoa Mắt Eye check	x	x
3	Khám kiểm tra Răng-Hàm-Mặt Odontology check	x	x
4	Kiểm tra TMH Ear-Nose-Throat check	x	x
5	Khám phụ khoa, khám vú với bác sỹ sản phụ khoa		x
II	CHUẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH/ IMAGING		
6	Chụp Xquang ngực thẳng Chest x-ray	x	x
7	Siêu âm ổ bụng (tổng quát) Abdominal Ultrasound	x	x
8	Điện tim thường ECG	x	x
III	XÉT NGHIỆM/ LABORATORY		
9	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	x	x

10	Định lượng Cholesterol	x	x
11	Định lượng Triglycerid	x	
12	Đo hoạt độ AST (GOT)	x	x
13	Đo hoạt độ ALT (GPT)	x	x
14	Định lượng Axit uric	x	
15	Định lượng Creatinin	x	
16	HBsAg miễn dịch tự động	x	
17	HBsAb định lượng	x	
18	Định lượng Glucose	x	
19	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	x	x
IV	TÀM SOÁT UNG THƯ/ CANCER MAKER		
20	PSA toàn phần- tầm soát ung thư tiền liệt tuyến	x	
21	PAP Smear- Tầm soát ung thư cổ tử cung		x
22	Báo cáo y tế	x	x

❖ **Thu Cúc:**

STT	Tên DV	Nam	Nữ	Ghi chú
I	Tiền khám			
1	Khám nội tổng quát	X	X	Đánh giá các yếu tố nguy cơ, thói quen cuộc sống, thăm khám lâm sàng, kết luận gói khám
2	Khám thường (Phòng khám mắt)	X	X	Phát hiện một số bệnh lý mắt
3	Khám TMH thường	X	X	Phát hiện một số bệnh lý về tai mũi họng
4	Khám RHM	X	X	Kiểm tra, phát hiện bất thường về Răng miệng
II	Xét nghiệm			
5	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở) [18TS- bằng máy đếm tự động]	X	X	Đánh giá tình trạng thiếu máu, phản ứng viêm nhiễm của cơ thể. Tình trạng tế bào bạch cầu, tiểu cầu.
6	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động) [10 thông số]	X	X	Đánh giá sơ bộ chẩn đoán các bệnh lý như viêm đường tiết niệu, gợi ý cho các tổn thương cầu thận.
7	Định lượng Acid Uric [Máu]	X		Đánh giá lượng Acid uric trong máu, liên quan đến bệnh goutte.
8	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	X	X	Đánh giá tình trạng chuyển hóa mỡ máu, đơn thuần hay kết hợp với các thông số mỡ máu khác.
9	Định lượng Triglycerid (máu)	X	X	Đánh giá tình trạng chuyển hóa mỡ máu, đơn thuần hay kết hợp với các thông số mỡ máu khác.
10	HBsAg miễn dịch tự động [HBsAg Cobas]	X	X	Kiểm tra tình trạng nhiễm virus viêm gan B.

STT	Tên DV	Nam	Nữ	Ghi chú
11	Định lượng Glucose [Máu]	X	X	Đánh giá tình trạng chuyển hóa đường, chẩn đoán tiểu đường, rối loạn dung nạp đường máu
12	Nhuộm phiên đồ tế bào theo Papanicolaou [TB cổ tử cung]		X	Tầm soát ung thư cổ tử cung
13	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen) [Máu]	X		Dấu ấn sàng lọc ung thư tuyến tiền liệt
14	Định lượng CA ¹²⁵ (cancer antigen 125) [Máu]		X	Tầm soát ung thư buồng trứng
15	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen) [Máu]	X		Tầm soát ung thư đại tràng, trực tràng
III	Chẩn đoán hình ảnh			
16	Điện tim thường [3 cần]	X	X	Thăm dò về mặt điện học của tim qua đó cung cấp thông tin về: Bệnh lý rối loạn nhịp hoặc dẫn truyền trong tim Các hình ảnh gợi ý tăng gánh thất trái Hình ảnh gợi ý thiếu máu cơ tim
17	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng [2 tư thế: thẳng và nghiêng - số hóa 1 phim]	X	X	Đánh giá tổn thương các thân đốt sống, đĩa đệm, các mấu khớp trên, dưới và các tổ chức phần mềm quanh cột sống
18	Siêu âm ổ bụng [tổng quát - thường_Nữ]		X	Kiểm tra có bất thường về hình dạng của nội tạng trong bụng hay không, phát hiện các bệnh lý trong ổ bụng như gan mật, tụy lách, thận... Góp phần vào việc phát hiện ung thư các nội tạng. Âm tính giả với các khối u tạng đặc <1cm
19	Siêu âm tuyến giáp [thường]	X	X	Đánh giá hình ảnh giải phẫu tuyến giáp: kích thước, đậm độ âm, nhân, nang tuyến giáp.
20	Chụp Xquang ngực thẳng [tim phổi thẳng]	X	X	Phát hiện một số bệnh lý phổi
21	Siêu âm ổ bụng [tổng quát - thường_Nam]	X		Kiểm tra có bất thường về hình dạng của nội tạng trong bụng hay không, phát hiện các bệnh lý trong ổ bụng như gan mật, tụy lách, thận...Góp phần vào việc phát hiện ung thư các nội tạng. Âm tính giả với các khối u tạng đặc <1cm

Chi tiết dịch vụ áp dụng có thể thay đổi theo từng thời kỳ và được cập nhật tại website www.bidv.com.vn

7. Quy định khác

- Ưu đãi sẽ không được chuyển đổi thành tiền mặt hoặc tiền tặng vào tài khoản thẻ của Chủ Thẻ. Bằng việc tham gia Chương trình ưu đãi này, Khách hàng mặc định chấp thuận tất cả các điều khoản và điều kiện quy định của chương trình ưu đãi.
- BIDV được miễn trách đối với các trường hợp bất khả kháng xảy ra trong thời gian diễn ra chương trình làm cho việc sử dụng dịch vụ của khách hàng không được thực hiện.
- BIDV có quyền quyết định thay đổi bất kỳ điều khoản và điều kiện nào vào bất kì thời gian nào (bao gồm cả chấm dứt ưu đãi do hết ngân sách). Các thông báo sẽ được công bố rộng rãi, công khai trên website của BIDV.
- BIDV không có bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến các khoản thuế phát sinh từ việc Khách hàng nhận ưu đãi. Bất kỳ khoản thuế nào hoặc việc chi trả khoản thuế cho cơ quan thuế do việc nhận ưu đãi sẽ là trách nhiệm của Khách hàng.
- Các thắc mắc liên quan đến chương trình ưu đãi, khách hàng liên hệ các Chi nhánh/PGD của BIDV trên toàn quốc hoặc liên hệ Trung tâm chăm sóc khách hàng của BIDV, Hotline 1800969659.